

Bản án số: **10/2024/HNGĐ-PT**
Ngày: 11 - 7 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: 1/. Ông Lê Thanh Vũ.

2/. Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2024/HNGĐ-ST, ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **143/2024/QĐ-PT, ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Trúc X, sinh năm 1990. Nơi cư trú: B6-56, đường số C, Khu nhà ở thương mại T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Sơn Minh H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số B, đường P, Khóm C, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Sơn Minh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc X trình bày: Bà và ông Sơn Minh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B1, thành phố

S, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01 ngày 30/7/2009. Sau thời gian chung sống thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà và ông H không hợp nhau, do bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Bà và ông H đã ly thân 04 năm (từ năm 2021 đến nay), tình trạng hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà yêu cầu ly hôn với ông H. Trong thời gian chung sống với nhau bà và ông H có một con chung là cháu Sơn Thiên B, sinh ngày 31/8/2011, hiện đang sống chung với bà. Về tài sản chung và nợ chung: không có. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Trúc X yêu cầu được ly hôn với ông Sơn Minh H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Trúc X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn Thiên B, sinh ngày 31/8/2011 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa sơ thẩm bà X thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Sơn Minh H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Trúc X về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Về thời gian sống ly thân vợ chồng ông xác định từ tháng 11/2022 do ông đi chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc đến nay, chứ không phải 04 năm như bà X trình bày. Ngoài ra, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do ông có người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng chỉ là tình cảm thoáng qua. Ông đã biết lỗi, ông vẫn còn tình cảm với vợ ông, ông mong bà X chấp nhận về chung sống với ông để cùng chăm lo cho con, xây dựng gia đình cho con ông. Ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ; về con chung nếu phải ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà X nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm 27/2024/HNGĐ-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều Khoản 1, Điều 244; 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Trúc X và ông Sơn Minh H.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên **Sơn Thiên B** (nam, sinh ngày 31/8/2011) cho bà **Nguyễn Thị Trúc X** được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi. Ông **Sơn Minh H** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ông **Sơn Minh H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Trúc X**, ông **Sơn Minh H** tự khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/5/2024 ông **Sơn Minh H** kháng cáo bản án số 27/2024/HNGĐ-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và có yêu cầu trường hợp Tòa cho cho ly hôn thì ông xin được trực tiếp nuôi cháu **Sơn Thiên B** và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận kháng cáo của ông **Sơn Minh H**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo: Ông **Sơn Minh H** kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 27/2024/HNGĐ-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo hướng không chấp nhận cho bà **X** ly hôn với ông.

[3] Xét kháng cáo của ông **Sơn Minh H** về yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận cho bà **X** ly hôn với ông. Xét thấy, bà **X** và ông **H** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/7/2009 nên hôn nhân giữa bà **X** và ông **H** là hợp pháp. Bà **X** cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt và ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Ông H thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do ông có người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng chỉ là tình cảm thoáng qua, ông cũng đã biết lỗi và vẫn còn tình cảm với bà X, ông mong bà X chấp nhận cho về chung sống với bà X để cùng chăm lo cho con, xây dựng gia đình hạnh phúc. Ông H muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà X cương quyết ly hôn không đồng ý hàn gắn tình cảm với ông H. Hơn nữa, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay thì giữa ông bà cũng không tìm được giải pháp hàn gắn tình vợ chồng chồng, mà mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng không chỉ bắt nguồn từ một phía mà phải xuất phát từ tình cảm hai bên. Do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà X cho bà X ly hôn với ông H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Ông H kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cuộc sống vợ chồng của ông có thể hàn gắn nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của ông H về việc ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con nếu như Tòa cho ly hôn. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau thì bà X là người trực tiếp nuôi cháu B, bà X có đủ điều kiện và khả năng nuôi cháu, cháu B cũng có nguyện vọng được sống với mẹ (bà X) khi cha mẹ ly hôn và tại giai đoạn sơ thẩm ông H cũng thống nhất. Vì vậy, cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu B cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H cũng chỉ kháng cáo vấn đề hôn nhân; về con chung ông H không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Từ phân tích trên thấy rằng kháng cáo của bị đơn H là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[6] Như đã phân tích trên thì thấy rằng đề nghị của vị đại viện Viện kiểm sát áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông **Sơn Minh H**. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2024/HNGĐ-ST ngày 06/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều Khoản 1, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Nguyễn Thị Trúc X** và ông **Sơn Minh H**.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên **Sơn Thiên B**, sinh ngày 31/8/2011 cho bà **Nguyễn Thị Trúc X** được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu **B** đủ 18 tuổi. Ông **Sơn Minh H** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ông **Sơn Minh H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Nguyễn Thị Trúc X**, ông **Sơn Minh H** tự khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị Trúc X** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001564 ngày 27/3/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà **Nguyễn Thị Trúc X** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông **Sơn Minh H** không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn **Sơn Minh H** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0001726, ngày 13/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị đơn **Sơn Minh H** đã nộp xong án phí phúc thẩm.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THADS thành phố Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu TGD&NCTN, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy